TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS - PT

Ngày: 05/01/2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Phạm Tồn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thanh phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432 /2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: ông Lê Chiêu H, sinh năm 1970; địa chỉ: TP Hồ Chí Minh, có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- ***Bị đơn***: bà Lê Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

1. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thanh M – Trưởng phòng đo đạc, bản đồ và viễn thám; có Đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: vắng mặt;

3. Uỷ ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: vắng mặt;

4. Bà Hoàng Thuỳ V, sinh năm 1977; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thuỳ V: ông Lê Quang H, sinh năm 1958, có mặt; địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

**** Người kháng cáo:*** Bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Chiêu H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Lê Quang H trình bày:

Ngày 09/7/2009, ông được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 948415 đối với thửa đất số 155 tờ bản đồ số 09 (Nay là thửa 292, tờ bản đồ số 08), diện tích 200m^2, tại xã H, huyện B. Tứ cạnh thửa đất giáp ranh như sau:

Phía Đông giáp đất hành lang đường bến Phà G cũ;

Phía Tây giáp thửa đất ông Lưu Đức K;

Phía Nam giáp thửa đất của bà Lê Thị T;

Phía Bắc giáp thửa đất ông Lê Đức B.

Vì điều kiện kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa nên ông không có điều kiện để theo dõi tình trạng thửa đất.

Năm 2013, trong dịp về quê, ông phát hiện bà Lê Thị T đã có hành vi lấn chiếm phần đất này, xây dựng hàng rào kiên cố, diện tích tạm tính theo sơ đồ lồng ghép khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B lập là 136m^2, kích thước tứ cận là: Phía Đông giáp phần đất còn lại của ông là 18m, phía Tây 08 m, phía Nam 25m, phía Bắc 09m. Trên diện tích đất tranh chấp hiện có tường rào do bà T dựng lên và đổ đất cát xây dựng.

Ông đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tại UBND xã H đề nghị bà T tháo dỡ tường rào lấn chiếm, trả lại hiện trạng ban đầu đối với phần đất tranh chấp nhưng bà T không chấp nhận.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lại 136m^2 đất đã lấn chiếm và tháo dỡ toàn bộ hàng rào do bà T xây dựng lấn chiếm trên đất.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày tại bản tự khai và đơn phản tố như sau:

Năm 1998, gia đình bà được nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Trần Quang Nhuệ ở thôn 2, xã H, huyện B; sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà xin cấp thêm một mảnh đất hoang hóa chưa có người sử dụng liền kề với thửa đất mới được chuyển nhượng để làm vườn. Phần đất xin được cấp thêm lúc này là một hói nước mênh mông, không ai canh tác. Sau khi gia đình bà có đơn xin cấp đất, UBND xã H đã cấp thêm cho gia đình bà theo đúng đơn đề nghị và đã giao phần đất cấp thêm cho gia đình bà. Tổng diện tích của gia đình bà vừa được chuyển nhượng, vừa được cấp thêm là 2.100m^2 (35m x 60m). Sau đó gia đình bà đã tiến hành đổ đất, san lấp mặt bằng, xây dựng hàng rào, nhà ở và sử dụng ổn định, liên tục toàn bộ tổng diện tích này từ đó đến nay và nộp thuế theo quy định. Bà không đồng ý việc ông Lê Chiêu H khởi kiện yêu cầu bà trả lại phần đất diện tích 136m^2 thuộc quyền sử dụng của bà.

Bà phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất số AH 948415 ngày 09/7/2009 cấp cho ông Lê Chiêu H và bản đồ địa chính được sử dụng làm căn cứ cấp Giấy CNQSD đất số AH 948415 ngày 09/7/2009, lý do tuyên huỷ Giấy chứng nhận QSD đất là Giấy của ông H cấp không đúng pháp luật, có việc tẩy xoá năm trong Giấy chứng nhận QSD đất và không có tên của người ký giấy. Việc UBND xã H cấp đất cho ông H là không đúng thẩm quyền, đất ông H chưa sử dụng nhưng lại ghi đất trồng khoai là không đúng thực tế, các người ký hộ liền kề đều là những người không ở khu vực có đất.

- Tuyên hủy bản đồ địa chính xã H, do Giám đốc sở Tài nguyên-Môi trường Quảng Bình phê duyệt ngày 18/12/2013.

Tại phiên toà, bà T rút yêu cầu đối với hủy bản đồ địa chính xã H được Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 2013.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Tại văn bản số 863/UBND ngày 25/5/2021, UBND huyện B có ý kiến:

Ngày 10/10/2008, ông Lê Chiêu H có đơn đề nghị đăng ký QSD đất đối với thửa đất đất số 155, tờ bản đồ số 9 xã H. Theo đơn đăng ký QSD đất thì nguồn gốc sử dụng đất là đất ở được UBND xã H giao ngày 06/12/1996 được UBND xã xác nhận và đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Chiêu H. Đến ngày 09/7/2009, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số AH 948415 cho ông H tại thửa 155, tờ bản đồ số 9 xã H, diện tích 200m^2.

Như vậy, việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Chiêu H được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Riêng việc sử dụng đất của bà Lê Thị T đã xây dựng lấn chiếm sang đất của ông Lê Chiêu H với diện tích 154m^2 đã được trả lời theo quyết định số 841/QĐ-CT ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên - Môi trường tại phiên họp hòa giải ngày 08/12/2020 trình bày:

Đối với yêu cầu của bà T về việc hủy bản đồ địa chính số 8 năm 2013 xã H là không có cơ sở bởi vì bản đồ địa chính số 8 thể hiện đúng hiện trạng, vị trí nhà bà T tại vị trí thửa số 235, diện tích 206m^2.

Đối với Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Chiêu H: Ngày 10/3/1998 UBND xã H cấp cho ông H vị trí lô thứ 2 theo đúng quy hoạch. Việc cấp giấy chứng nhận cho ông H năm 2009 dựa trên các giấy tờ của năm 1996, 1998 và lúc này trên thửa đất ông H chưa có tài sản của bà T là hàng rào xây dựng. Sau khi ông H được UBND xã cấp giấy CNQSD đất thì bà T mới được UBND xã H xác nhận vào tháng 10/1998, hai thửa đất không có chồng lấn nhau, do đó bà T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Chiêu H là không có căn cứ.

Qua kiểm tra hiện trạng về phần đất của bà T có xây lấn diện tích của ông H 154m^2, đề nghị bà T tháo dỡ và trả lại đất cho ông H theo đúng quy định, đề nghị bà T lập hồ sơ đất, đo lại diện tích theo diện tích đã mua của ông Nhuệ và phần trước đang sử dụng giáp với đường giao thông để được cấp giấy CNQSD đất.

Tại văn bản số 272/UBND ngày 19/5/2021 của UBND xã H có ý kiến như sau:

Diện tích đất có tranh chấp giữa ông H và bà T có nguồn gốc là đất do UBND xã H giao cho ông Lê Chiêu H năm 1998, hiện tại một phần diện tích đất này bà T đang sử dụng.

Việc UBND xã giao đất làm nhà ở và cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Chiêu H là trái thẩm quyền, không đúng quy định pháp luật. Hiện nay UBND xã H không có hồ sơ lưu về việc UBND xã giao đất cho ông H và cho phép bà Lê Thị T sử dụng đất tại khu vực có tranh chấp. Nguyên nhân của việc tranh chấp đất là do ông H sau khi được giao đất không sử dụng đất và không bảo vệ mốc giới đất của mình để bà T đổ đất, san lấp mặt bằng và sử dụng thời gian dài. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thùy V trình bày:

Nguồn gốc của thửa đất tranh chấp: Trước đây vợ chồng bà mua một thửa đất khác tại xã H, B, tuy nhiên do có dự án làm đường đi qua nên mới cấp lại thửa đất này vào ngày 10/3/1998; Sau đó được UBND huyện B cấp giấy CNQSD đất vào ngày 09/7/2009, thửa số 155, tờ bản đồ số 09 diện tích 200m^2 mang tên ông Lê Chiêu H. Sau khi được cấp giấy, vợ chồng bà phải đi làm ăn xa nên không có thời gian để theo dõi tình trạng sử dụng đất. Năm 2013, trong dịp về thăm quê thì phát hiện bà T có hành vi xây hàng rào kiên cố lấn chiếm phần đất này. Bà nhất trí với nội dung khởi kiện của ông Lê Chiêu H yêu cầu bà T trả lại đất đã lấn chiếm và tháo dỡ toàn bộ hàng rào đã xây dựng lên trên phần đất đã cáp giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông bà.

Những người làm chứng: ông Lưu Văn Luận, ông Phan Tiến Hóa, ông Lê Văn Bình, bà Lê Thị Tố Nga, bà Nguyễn Thị Tuấn, bà Trần Thị Huế đều có ý kiến: Từ năm 1998 đến năm 2008, chứng kiến việc bà T đổ đất san lấp mặt bằng thửa đất đang tranh chấp và sử dụng không có ai đến tranh chấp. Không ai thấy ông H sử dụng và không biết việc ông H được cấp đất tại thửa đất này.

Ông Hoàng Đức Thành khai: Năm 2000, ông là cán bộ điều tra của phòng cảnh sát kinh tế thực hiện điều tra việc UBND xã H thu tiền dân qua việc cấp đất không nộp ngân sách Nhà nước mà biển thủ riêng, ông có thu thập tài liệu, chứng cứ của các hộ dân bị thu tiền, trong đó không có việc bố ông Lê Chiêu H là ông Lê Chiêu Khởi cung cấp phiếu thu 3.600.000 đồng. Ông Thành cho rằng việc cấp đất của Chủ tịch xã cho ông H không đúng quy định pháp luật, không có giá trị pháp lý từ thời điểm cấp giấy CNQSD đất cho ông H.

Ngày 06/8/2020, Tòa án nhân dân huyện B đã tổ chức thẩm định, xem xét tại chỗ, kết quả:

Hiện trạng sử dụng của bà T lấn sang thửa đất được cấp giấy CNQSD đất của ông H với diện tích 156,5m^2:

+ Từ điểm 1 đến 2 kích thước 8.45m;

+ Từ điểm 2 đến 3 kích thước 19.52m có hàng rào xây của bà T;

+ Từ điểm 1 đến 5 kích thước 09m;

+ Từ điểm 3 đến 4 kích thước 0.95m

+ Từ điểm 4 đến 5 kích thước 25m

Bà Lê Thị T có xây dựng trên thửa đất 155, tờ bản đồ 09 (nay là thửa 292, tờ bản đồ số 08) đã cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Chiêu H như sau:

+ Hàng rào: Từ điểm 2 đến 3 kích thước: 19,52m

+ Móng nhà: Từ điểm 6 đến 7 kích thước: 12,14m và từ 6 đến 9 kích thước: 3,61m.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 1 Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 49, 50 Luật đất đai 2003;

Điều 100, 202 của Luật đất đai năm 2013

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chiêu H: buộc bà Lê Thị Thị T trả lại 156.5m^2 đất đã lấn chiếm thuộc thửa số 155 tờ bản đồ số 9 (Nay là thửa 292, tờ bản đồ số 08) tại xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất số AH 948415 ngày 09/7/2009 cấp cho ông Lê Chiêu H cụ thể theo sơ đồ như sau:

+ Từ điểm 1 đến điểm 2 dài 8,45m;

+ Từ điểm 2 đến điểm 3 dài 19,52m;

+ Từ điểm 1 đến điểm 5 dài 09m;

+ Từ điểm 3 đến điểm 4 dài 0,95m;

+ Từ điểm 4 đến điểm 5 dài 25m

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án này)

2. Buộc bà Lê Thị T phá dỡ, di dời các công trình mà bà T đã xây dựng trên thửa đất 155, tờ bản đồ số 9 đã cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Chiêu H như sau:

+ Hàng rào: Từ điểm 2 đến 3 kích thước: 19,52m

+ Móng nhà: Từ điểm 6 đến 7 dài 12,14m và từ điểm 6 đến điểm 9 dài 3,61m.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án này)

3. Ông Lê Chiêu H được sở hữu các cây cối trên đất tranh chấp gồm: 03 cây Huê có giá 786.000 đồng, 01 cây Me có giá 377.000 đồng, 01 cây Sung có giá 159.000 đồng, 02 cây dừa có giá 101.200 đồng; 03 cây Ổi giá 183.000 đồng; 01 cây nhãn giá 151.000 đồng; 01 cây Chanh giá 29.300 đồng, 01 cây Cam giá 158.000 đồng; 10 cây Chuối giá 77.000 đồng, 01 cây Bưởi giá 158.000 đồng, tổng cộng: 2.180.900 đồng, ông H có trách nhiệm bồi hoàn lại giá trị bằng tiền các cây trồng nói trên cho bà T với số tiền 2.180.900 đồng.

Ông H được sở hữu khối lượng đất san nền đã đổ trên phần đất tranh chấp và có trách nhiệm trả lại giá trị bằng tiền cho bà T 31.691.000 đồng.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy kết quả chỉnh lý bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên – Môi trường phê duyệt năm 2013 do bà T rút yêu cầu tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 6/9/2022, bà T có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án

phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông H có sự tẩy xóa, đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ của ông H, việc sự dụng đất của bà là đúng.

Ông Lê Chiêu H trình bày: Ông được cấp đất diện tích 200 m2 từ năm 1996, hàng năm Ông vẫn nộp thuế sử dụng đất cho đến nay, việc bà T nhân lúc ông không có mặt đã lấn chiếm đất, năm 2013 ông phát hiện và đã có khiếu kiện UBND xã đã hòa giải, Ông đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông Lê Quang H trình bày: Tòa án sơ thẩm giải quyết là đúng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật: HĐXX và các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã quyết định là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị không chấp nhận dơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T, thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất tranh chấp, ngày 10/10/2008 ông Lê Chiêu H có đơn đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất đất số 155, tờ bản đồ số 9 xã H. Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất thì nguồn gốc sử dụng đất là đất ở được UBND xã H giao ngày 06/12/1996 và được UBND xã xác nhận đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Chiêu H. Ngày 09/7/2009, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AH 948415 cho ông H tại thửa 155, tờ bản đồ số 9 xã H, diện tích 200m^2; tại Văn bản số 863/UBND ngày 25/3/2021 của UBND huyện B xác định: "*việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Lê Chiêu H được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật*" (BL170). Do đó kháng cáo và ý kiến trình bày của bà T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hung không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với Nguồn gốc đất của bà Lê Thị T sử dụng trước đây theo trình bày là đất của Bưu điện xin để làm bưu cục Nam cầu G, nhưng sau đó Bưu điện không sử dụng nên trả đất. Bà T làm đơn xin đất và được UBND xã, do ông Phạm Hồng Thuy xác nhận bằng giấy viết tay. Bà T căn cứ vào Giấy xin đất ở vào tháng 10/1998 có xác nhận của ông Thuy – nguyên chủ tịch xã H để san lấp và sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của ông Nhuệ đã được UBND xã H cấp

đất tại lô số 01 thuộc khu đất quy hoạch giao đất khu dân cư nông thôn xã H được phê duyệt năm 1996 liền kề với lô số 02 cấp cho ông H). Tại giấy xin sử dụng đất của bà Lê Thị T đề ngày 03/10/1998, bà có viết rõ: Diện tích nhận chuyển nhượng 200m^2, vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp đường xe ra phà; phía Bắc giáp ô nền số 2 (trước đó lô số 2, ngày 10/3/1998 UBND xã H đã cấp giấy CNQSD đất cho ông H); phía Nam giáp ngã ba ra cầu; phía Tây giáp đường xe ra cầu.

Giấy xin đất ở của bà T ghi rõ đất mua của ông Nhuệ (ông Viên) lô giáp với lô thứ 2, theo Giấy xin đất của bà T xác định bà T chưa được cấp ở lô số 2 (trong đó có 156,5m^2 hiện nay bà T đang sử dụng thuộc lô đất này); nên việc bà T đang sử dụng lô thứ 2 là không hợp pháp. Ngày 05/11/2008, bà T làm đơn đề nghị UBND huyện cấp giấy CNQSD đất tại thửa số 224, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m^2 mà gia đình bà nhận chuyển nhượng và sử dụng, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được cấp giấy CNQSD đất. Bà T cho rằng, đất bà sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay, nhưng theo các tài liệu thu thập được thì vào năm 2003, UBND xã H có sơ đồ giao đất cho các hộ dân đã được xét cấp đất ở, đến năm 2009 ông H được cấp Giấy CNQSD đất và vào năm 2013, ông H phát hiện việc bà T đổ đất sử dụng lấn chiếm sang nên các bên đã có tranh chấp và được UBND xã H hòa giải nhưng các bên không thoả thuận được. Như vậy, có cơ sở để xác định ông H đã được cấp đất là đúng thực tế. Việc sử dụng đất của bà Lê Thị T đã xây dựng lấn chiếm sang đất của ông Lê Chiêu H với diện tích 154m^2 đã được trả lời theo quyết định số 841/QĐ-CT ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (BL 189).

[3] Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà T phải trả đất và buộc ông H bồi thường tài sản trên đất cho bà T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh

Quảng Bình và Quyết định sữa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 2059/2022/QĐ-SCBSBA ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 31AA/2021/0005057 ngày 15/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Bà Lê Thị T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn